

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

★ TS NGUYỄN DŨNG ANH

Học viện Chính trị khu vực III

- **Tóm tắt:** Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã xây dựng hệ thống lý luận về phát triển nền kinh tế thị trường (KTMT) định hướng XHCN ở Việt Nam. Bài viết khái quát các quan điểm trước Đại hội XIII; đánh giá kết quả và những hạn chế, từ đó, làm rõ những quan điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII về nền KTMT định hướng XHCN ở Việt Nam.
- **Từ khóa:** kinh tế thị trường định hướng XHCN, quan điểm mới, Văn kiện Đại hội XIII.

1. Quan điểm về nền KTMT định hướng XHCN ở Việt Nam trước Đại hội XIII của Đảng

Quá trình đổi mới nền kinh tế ở nước ta có đặc điểm nổi bật là chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền KTMT định hướng XHCN. Việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế mới đã đem lại những biến đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Thực tiễn 35 năm đổi mới khẳng định bước tiến quan trọng trong quá trình nhận thức về vai trò của sở hữu và các thành phần kinh tế qua những đóng góp đối với phát triển nền kinh tế quốc dân. Từ chỗ dựa trên loại hình sở hữu công hữu với hai thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, đến thừa nhận đa hình thức sở hữu, tồn tại khách quan nền kinh tế nhiều thành phần và thừa nhận tất cả các thành phần kinh tế là những bộ phận cấu thành của nền KTMT định

hướng XHCN, các thành phần kinh tế đều được bình đẳng trước pháp luật.

Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH được Đại hội IX (năm 2001) khái quát là KTMT định hướng XHCN, từng bước được bổ sung, phát triển qua các kỳ đại hội của Đảng.

Đại hội X (năm 2006) chỉ rõ: Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và "các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài"⁽¹⁾.

Đại hội XI của Đảng có những khái quát mới về lý luận "Phát triển nền KTMT định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối"⁽²⁾. Đây là bước phát triển

mới trong nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và được nêu cụ thể: “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển”⁽³⁾.

Đại hội XII của Đảng đã chỉ ra những nội hàm cơ bản của nền KTTT định hướng XHCN là “nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁽⁴⁾; “có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật;...”⁽⁵⁾. Định hướng XHCN của nền kinh tế được nhất quán xác lập và tăng cường thông qua sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người; phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Như vậy, đến trước Đại hội XIII, nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam có thể khái quát ở ba điểm sau:

Thứ nhất, tuân thủ những đặc trưng của KTTT, bởi vì, KTTT là một phương thức, một kiểu tổ chức kinh tế mà xã hội loài người sáng tạo ra, là thành quả của văn minh nhân loại, có thể tồn tại ở các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, các chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Tuân theo các quy luật kinh tế khách quan như: quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu, lưu thông tiền tệ,... tạo động lực phát triển kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động xã hội.

Thứ hai, giữa KTTT và định hướng XHCN, thể hiện hai khía cạnh chủ yếu là sử dụng “phương tiện” KTTT để đạt “mục đích” định hướng XHCN. KTTT là “phương tiện tốt nhất” tạo lập cơ sở kinh tế, sức mạnh kinh tế cho sự phát triển của mỗi quốc gia. KTTT càng hiện đại và được vận hành có hiệu quả thì cơ sở kinh tế, sức mạnh kinh tế do nó tạo ra càng có điều kiện gia tăng mạnh mẽ. “Mục đích” KTTT luôn gắn với một chế độ chính trị - xã hội nhất định, phục vụ cho mục tiêu và lợi ích của chế độ đó. Nền KTTT định hướng XHCN mục đích là phát triển, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, nâng cao hiệu quả kinh tế, phục vụ lợi ích của nhân dân và hoàn thiện quan hệ sản xuất nhằm xây dựng chế độ chính trị xã hội của CNXH. Giữa “mục đích” định hướng XHCN và “phương tiện” KTTT ở Việt Nam không có sự loại trừ, mâu thuẫn nhau mà là sự dung hợp, gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong chính thể thống nhất “KTTT định hướng XHCN”. Điều đó có nghĩa rằng, tính định hướng XHCN của nền KTTT là đúng đắn, phản ánh mục tiêu, phương thức phát triển, phân phối của cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta; nhờ đó, khai thác tốt nhất mặt tích cực của thị trường, đồng thời khắc phục và hạn chế mức thấp nhất những khuyết tật, rui ro của nó.

Thứ ba, phát triển KTTT định hướng XHCN là kiểu tổ chức kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử Việt Nam. Việt Nam xây dựng CNXH từ xuất phát điểm rất thấp về kinh tế, tất yếu khách quan Việt Nam phải phát triển KTTT với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; trong đó có sở hữu tư nhân, thành phần kinh tế tư nhân và các hình thức sở hữu hỗn hợp khác còn phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tất cả các thành phần kinh tế trong nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

2. Kết quả phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam

Đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng và toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá cao, bình quân 2011-2015 đạt 5,9%/năm; 2016-2020 đạt 6%/năm; tính chung 10 năm 2011-2020 đạt 5,95%/năm. Việt Nam thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới; chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động được nâng lên rõ rệt; kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp (ổn định dưới 4%/năm trong nhiệm kỳ 2016-2020). Các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện đáng kể như: tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng gần 3,5 lần, từ 157,1 tỷ USD năm 2010 lên 543,9 tỷ USD năm 2020, trong đó xuất khẩu khoảng 281,5 tỷ USD; cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt (chuyển từ thâm hụt 12,6 tỷ USD năm 2010 sang thặng dư liên tục và mức độ ngày càng tăng trong 5 năm 2016-2020)⁽⁶⁾.

Đã huy động được các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh, chất lượng, hiệu quả được cải thiện:

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011-2020 đạt gần 15,7 triệu tỷ đồng (tương đương 673 tỷ USD), tăng bình quân 10,1%/năm; vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước ở trong nước chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng đầu tư xã hội, tăng từ 36,1% năm 2010 lên 44,9% năm 2020; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh (thu hút được nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao), tổng số vốn đăng ký giai đoạn 2011-2020 đạt 268,2 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 152,3 tỷ USD, chiếm 22,6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội⁽⁷⁾.

Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo và ứng dụng công nghệ cao tăng lên; tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong GDP giảm từ 18,9% năm 2010 còn 15,2% năm 2020; các khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 81,1% lên 84,8%; cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực (tỷ trọng ngành khai khoáng giảm từ 9,5% GDP xuống còn 5,5%; tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu qua chế biến tăng từ 65% năm 2011 lên 85% năm 2020)⁽⁸⁾.

Thể chế KTTT định hướng XHCN từng bước được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập. Vị trí xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu của Việt Nam tăng từ 88/183 năm 2010 lên 70/190 năm 2019.

Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đánh giá: Việt Nam là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới, là điểm sáng toàn cầu trong thực hiện thành công “mục tiêu kép”, vừa phòng chống dịch, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân.

Thành quả đạt được trong 35 năm đổi mới và thực hiện chiến lược 10 năm 2011-2020 về phát triển văn hoá, xây dựng con người Việt Nam đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng

từ 40% năm 2010 lên 64,5% năm 2020. Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam tăng vượt bậc, năm 2020 xếp thứ 42/131 nước và vùng lãnh thổ, tăng 17 bậc so với năm 2016, dẫn đầu nhóm quốc gia, nền kinh tế cùng mức thu nhập. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp được đề cao và phát huy. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh (còn dưới 3% vào năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều). Đời sống nhân dân được cải thiện, chú trọng tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019). Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội (tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 60,9% dân số năm 2010 lên 90,7% vào năm 2020)⁽⁹⁾. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân được quan tâm. Việt Nam kiểm soát tốt đại dịch Covid-19, được nhân dân và cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Chỉ số phát triển con người (HDI) được cải thiện, thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người cao của thế giới.

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu ngày càng được chú trọng; các nguồn lực tài nguyên từng bước được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, đặc biệt là đất đai, khoáng sản; công tác phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, ngăn ngừa suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường đạt kết quả tích cực; nhiều giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, tránh thiên tai được triển khai tích cực và đạt nhiều kết quả.

Tuy nhiên, nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam còn một số hạn chế, yếu kém sau:

Một là, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra (tốc độ tăng GDP bình quân đạt 5,95%/năm giai đoạn 2011-2020 so với mục tiêu Chiến lược là 7 - 8%/năm); cơ cấu lại nền kinh

tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm; chưa phát huy được đầy đủ, hiệu quả các tiềm năng, lợi thế phát triển; hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực chủ yếu đang ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị; tỷ lệ tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu chưa cao. Trình độ khoa học, công nghệ quốc gia nhìn chung còn khoảng cách so với nhóm đầu khu vực.

Hai là, khoảng cách phát triển và chênh lệch thu nhập giữa các vùng chậm được thu hẹp; việc thực hiện các mục tiêu phát triển văn hoá, xã hội và con người còn hạn chế; kết quả giảm nghèo đa chiều chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao ở nhiều nơi.

Ba là, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn bất cập: hiệu quả quản lý, sử dụng và huy động nguồn lực từ đất đai, tài nguyên chưa cao, chưa bền vững; tình trạng ô nhiễm môi trường có nơi còn diễn biến phức tạp; tác động, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng nặng nề nhưng nguồn lực để phòng, chống và khắc phục hậu quả còn hạn hẹp; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực chưa cao.

3. Một số quan điểm mới của Đại hội XIII về nền KTTT định hướng XHCN

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận phát triển kinh tế và tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới của đất nước, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra những nội hàm cơ bản về nền KTTT định hướng XHCN như sau:

“Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn

minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội⁽¹⁰⁾.

Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung, phát triển một số quan điểm mới về nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam:

Một là, Đại hội XIII tiếp tục thống nhất và nâng cao nhận thức về KTTT định hướng XHCN. Trên cơ sở nêu rõ ngay từ đầu nội hàm của KTTT định hướng XHCN của nước ta, đã nhấn mạnh những nội dung quan trọng của nội hàm này. Trong đó, vai trò, vị trí, chức năng của các thành phần kinh tế được xác định rõ hơn:

(1) Kinh tế nhà nước được khẳng định là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Đây là chức năng quan trọng của kinh tế nhà nước, đồng thời cũng là đặc điểm, đặc trưng khác biệt, tiến bộ của KTTT định hướng XHCN.

(2) Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

(3) Kinh tế tư nhân được khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế và được

khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hỗ trợ thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao.

(4) Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hai là, nêu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Điểm mới nổi bật chính là trong mối quan hệ này bổ sung thêm nhân tố xã hội. Trong đó cũng nêu rõ vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong mối quan hệ chung. Nhà nước thực hiện chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong thực thi pháp luật, công vụ.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế KTTT nói chung, tập trung vào tháo gỡ những điểm nghẽn đang cản trở sự phát triển KTTT của nước ta và nâng cao chất lượng thể chế. Cụ thể là hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế KTTT định hướng XHCN, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Đáp ứng yêu cầu phát triển mới, đặc biệt là tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều ngành nghề mới ra đời cần phải có môi trường pháp lý bảo đảm cho sự phát triển.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Phấn đấu đến năm 2030, môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp trong nhóm 30 quốc gia hàng đầu. Văn kiện Đại hội XIII đề cập nội dung hoàn thiện thể chế để tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản của KTTT, như: thể chế xây dựng và hoàn thiện pháp luật, thể chế hình thành thị trường các yếu tố thị trường, các loại thị trường, thể chế thúc đẩy phát triển doanh nghiệp... nhằm đạt mục tiêu quan trọng là nâng cao chất lượng thể chế.

Bốn là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Điểm mới nổi bật ở nội dung này là xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Thực tiễn 35 năm đổi mới đã khẳng định mở cửa, hội nhập quốc tế, trong đó, hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn mà đất nước đã đạt được. Mặt khác, chính mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng đã tạo ra áp lực để Việt Nam đổi mới thành công. Đồng thời, quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu cần phải

giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, qua các cuộc khủng hoảng hoặc những biến động của thế giới đã cho thấy, để hội nhập thành công phải có nội lực mạnh, đồng thời phải đa phương hóa, đa dạng hóa các đối tác, các thị trường để tránh những rủi ro và lệ thuộc. Vì vậy, phải nâng cao năng lực nội tại nền kinh tế quốc dân mới có thể hội nhập thành công, tránh lệ thuộc vào một đối tác, một thị trường.

Chủ trương, quan điểm, nhận thức về phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII thể hiện sự nhất quán, sáng tạo ba nguyên tắc cơ bản trong xây dựng văn kiện của Đảng là: kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp nhuần nhuyễn thực tiễn và lý luận phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại □

(1) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.27-28.

(2), (3) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.73, 73-74.

(4), (5) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.102, 103.

(6), (7), (8), (9): *Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2011-2020 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020*, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trình bày tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Hà Nội, 28-3-2021.

(10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.128-129.